

Số: 21/2013/TT-BCT

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

Căn cứ Nghị định 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

Mẫu đơn đề nghị, mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, mẫu Giấy phép và các mẫu bảng kê liên quan đến việc cấp, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận và Giấy phép bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá.

Hướng dẫn chế độ, biểu mẫu báo cáo; danh mục thiết bị chuyên ngành thuốc lá; hướng dẫn biểu mẫu đăng ký nhu cầu nhập khẩu giấy cuộn điếu thuốc lá, sợi thuốc lá, nguyên liệu lá thuốc lá và quy định về kiểm tra các hoạt động trong kinh doanh thuốc lá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động kinh doanh thuốc lá và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ quy định trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. “Bản sao” quy định trong Thông tư này được thể hiện bằng một trong các hình thức phù hợp với từng cách thức sau đây:

a) Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính);

b) Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

c) Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

2. Cơ quan kiểm tra là cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh doanh thuốc lá thuộc Bộ quản lý ngành, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương II

MẪU ĐƠN, BẢNG KÊ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP VÀ MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP

Điều 4. Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).

2. Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác (theo mẫu Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này) và mặt bằng tổng thể các hạng mục trên.

3. Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, ẩm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này).

4. Bảng kê danh sách lao động (theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này).

5. Bảng kê tổng hợp diện tích trồng cây thuốc lá, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này).

Điều 5. Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá gồm:

1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này).

2. Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác (theo mẫu Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

3. Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, ẩm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá, phương tiện vận tải (theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này).

4. Bảng kê danh sách lao động (theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này).

Điều 6. Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá gồm:

1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 9 kèm theo Thông tư này).

2. Bảng kê diện tích, sơ đồ nhà xưởng khu phân loại, khu chế biến, đóng kiện, kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác (theo mẫu Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

3. Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị chuyên ngành đồng bộ của công đoạn chế biến nguyên liệu thuốc lá, thiết bị kiểm tra chất lượng nguyên liệu trước và sau chế biến (theo mẫu Phụ lục 10 kèm theo Thông tư này).

4. Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, ẩm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng chống sâu mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này).

5. Bảng kê danh sách lao động (theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này).

Điều 7. Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá gồm:

1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 12 kèm theo Thông tư này).

2. Công ty con gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá về công ty mẹ. Công ty mẹ là đại diện tổ hợp công ty mẹ-công ty con, tổng hợp hồ sơ (bao gồm hồ sơ của công ty mẹ và các công ty con) đề nghị Bộ Công Thương cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá cho tổ hợp công ty mẹ-công ty con (theo mẫu Phụ lục 13 kèm theo Thông tư này).

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong 03 (ba) năm gần nhất (nếu có) và dự kiến sản lượng sản xuất kinh doanh của 05 (năm) năm tiếp theo (theo mẫu Phụ lục 14 kèm theo Thông tư này).

4. Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị cuốn điếu thuốc lá và đóng bao thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 15 kèm theo Thông tư này).

5. Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác (theo mẫu Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

6. Bảng kê về đầu tư trồng cây thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 16 kèm theo Thông tư này).

Điều 8. Mẫu đơn, bản cam kết đề nghị cấp Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá

Mẫu đơn, bản cam kết đề nghị cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bao gồm:

1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 19 kèm theo Thông tư này).

2. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 21 kèm theo Thông tư này).

3. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 23 kèm theo Thông tư này).

4. Bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường (theo mẫu tại Phụ lục 25 kèm theo Thông tư này).

Điều 9. Mẫu Giấy chứng nhận, Giấy phép

1. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này).

2. Mẫu Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này).

3. Mẫu Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 11 kèm theo Thông tư này).

4. Mẫu Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 17 và 18 kèm theo Thông tư này).

5. Mẫu Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại các Phụ lục 20, 22 và 24 kèm theo Thông tư này).

Chương III

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP VÀ MẪU GIẤY CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP LẠI ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP

Điều 10. Mẫu đơn đề nghị, Mẫu giấy cấp sửa đổi, bổ sung đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến

nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá gồm:

1. Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 26, 28, 30, 32, 34, 46, 48 và 50 kèm theo Thông tư này).

2. Mẫu giấy cấp sửa đổi, bổ sung đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 27, 29, 31, 33, 35, 47, 49 và 51 kèm theo Thông tư này).

Điều 11. Mẫu đơn đề nghị, Mẫu giấy cấp lại đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá

1. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp, hết thời hạn hiệu lực (theo mẫu Phụ lục 1, 7, 9, 12, 13, 19, 21 và 23 kèm theo Thông tư này).

2. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy (theo mẫu Phụ lục 36, 38, 40, 42, 44, 52, 54 và 56 kèm theo Thông tư này).

3. Mẫu giấy cấp lại đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy (theo mẫu Phụ lục 37, 39, 41, 43, 45, 53, 55 và 57 kèm theo Thông tư này).

Chương IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ GIẤY CUỐN ĐIỀU THUỐC LÁ

Điều 12. Mẫu đơn đăng ký nhu cầu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá

1. Mẫu đơn đề nghị nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước, trong đó nêu rõ kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá của năm báo cáo, cam kết sử dụng nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc

lá đúng mục đích không trao đổi, mua bán dưới mọi hình thức và những đề xuất, kiến nghị (nếu có).

2. Báo cáo tình hình sản xuất, tiêu thụ thuốc lá của năm báo cáo và dự kiến năm sau (theo mẫu Phụ lục 58 kèm theo Thông tư này).

3. Báo cáo định mức sử dụng nguyên liệu thuốc lá và giấy cuốn điếu thuốc lá của năm sau (theo mẫu Phụ lục 59 kèm theo Thông tư này).

4. Đăng ký nhu cầu giấy cuốn điếu thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá của năm sau (theo mẫu Phụ lục 60 kèm theo Thông tư này).

Điều 13. Mẫu đơn đề nghị nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu

1. Mẫu đơn đề nghị nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu (theo mẫu Phụ lục 61 kèm theo Thông tư này).

2. Mẫu đơn đề nghị nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu (theo mẫu Phụ lục 61 kèm theo Thông tư này).

Chương V BIỂU MẪU, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 14. Biểu mẫu, chế độ báo cáo đối với cơ quan quản lý nhà nước về công thương các cấp

1. Định kỳ 06 (sáu) tháng, Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo về Bộ Công Thương tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá và kinh doanh sản phẩm thuốc lá của thương nhân trên địa bàn chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 62, 64 và 65 kèm theo Thông tư này).

2. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo về Bộ Công Thương tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn (theo mẫu Phụ lục 63 kèm theo Thông tư này).

3. Định kỳ 06 (sáu) tháng, Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - sau đây gọi chung là Phòng Công Thương) có trách nhiệm báo cáo về Sở Công Thương tình hình kinh doanh, cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá của thương nhân trên địa bàn chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 66 kèm theo Thông tư này).

Điều 15. Biểu mẫu, chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp

1. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, nhập khẩu thuốc lá phải gửi báo cáo về Bộ Công Thương và Bộ Tài chính về hoạt động sản xuất sản phẩm thuốc lá và nhập khẩu sản phẩm thuốc lá chậm nhất là

10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 67 kèm theo Thông tư này).

2. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá gửi báo cáo về Bộ Công Thương tình hình nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 68 kèm theo Thông tư này).

3. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá phải gửi báo cáo về Bộ Công Thương về tình hình mua bán nguyên liệu thuốc lá trong nước để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước và sản xuất xuất khẩu chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 69 kèm theo Thông tư này).

4. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá phải gửi báo cáo về Sở Công Thương tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 70 kèm theo Thông tư này).

5. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp mua bán nguyên liệu thuốc lá phải gửi báo cáo về cơ quan đã cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá về tình hình xuất nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 71 kèm theo Thông tư này).

6. Định kỳ 06 (sáu) tháng doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá phải gửi báo cáo về cơ quan cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá về tình hình sản xuất kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo (theo mẫu Phụ lục 72 kèm theo thông tư này).

7. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp kinh doanh thuốc lá phải gửi báo cáo năm trước của đơn vị mình về cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy phép về tình hình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 73 kèm theo Thông tư này).

8. Trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị mới để sản xuất xuất khẩu hoặc thay thế máy móc, thiết bị cũ, trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá báo cáo về cơ quan cấp Giấy phép, tình hình nhập khẩu và sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 74 kèm theo Thông tư này).

9. Định kỳ 06 (sáu) tháng Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá phải gửi báo cáo thống kê sản lượng, loại sản phẩm thuốc lá kinh doanh (theo hệ thống phân phối, bán buôn, bán lẻ) của đơn vị mình về Bộ Công Thương và Sở Công Thương nơi thương nhân đặt trụ sở chính (theo mẫu Phụ lục 75 và 76 kèm theo Thông tư này).

10. Định kỳ 06 (sáu) tháng thương nhân kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá báo cáo tình hình kinh doanh về các cơ quan quản lý nhà nước về công thương (theo mẫu Phụ lục 77, 78, và 79 kèm theo Thông tư này).

Chương VI

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA

Điều 16. Kiểm tra định kỳ

1. Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kinh doanh thuốc lá đối với từng tổ chức, cá nhân cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm.

2. Kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm phải có những nội dung chủ yếu sau: Mục đích, yêu cầu kiểm tra; đối tượng và phạm vi cần kiểm tra; các nội dung cần kiểm tra; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm tra; kinh phí kiểm tra; lực lượng kiểm tra; phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra; chế độ báo cáo.

3. Trước khi kiểm tra cơ quan kiểm tra phải thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, cá nhân chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày kiểm tra.

Điều 17. Kiểm tra đột xuất

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra đột xuất trong các trường hợp sau:

1. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá vi phạm các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và các quy định tại Thông tư này.

2. Thông tin từ phương tiện thông tin đại chúng có giấy phép do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, thông tin từ đơn thư khiếu nại tố cáo hoặc tin báo của tổ chức, cá nhân.

3. Theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên có thẩm quyền.

4. Cơ quan kiểm tra không cần phải thông báo trước kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, cá nhân.

Điều 18. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra hồ sơ việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá theo quy định tại các Điều 8, 10, 13, 18 và Điều 27 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

2. Kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện: Đầu tư trồng cây thuốc lá, mua bán nguyên liệu thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất sản phẩm thuốc lá, mua bán sản phẩm thuốc lá theo quy định tại các Điều 7, 9, 12, 17 và Điều 26 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

3. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá, đầu tư nước ngoài sản xuất sản phẩm thuốc lá theo quy định tại các Điều 24 và 25 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

4. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về sử dụng máy móc thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá và tem sản phẩm thuốc lá theo quy định tại các Điều 33, 34, 35, 36 và Điều 37 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Điều 19. Xử lý kết quả kiểm tra

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra ngay sau khi kết thúc kiểm tra tại nơi kiểm tra (theo mẫu Phụ lục 81 và 82 kèm theo Thông tư này) và thông báo kết quả kiểm tra đến cơ quan kiểm tra và tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

2. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, tùy theo mức độ vi phạm, Đoàn kiểm tra kiến nghị cơ quan kiểm tra xử phạt hoặc làm thủ tục chuyển giao hồ sơ về hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan kiểm tra

Cơ quan kiểm tra hoạt động kinh doanh có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.

3. Ra quyết định xử lý chậm nhất trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn kiểm tra về việc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh thuốc lá.

4. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

5. Thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả kiểm tra, kết luận có liên quan.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyết định của Đoàn kiểm tra, hành vi của thành viên Đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của Đoàn kiểm tra

Trong hoạt động kiểm tra Đoàn kiểm tra có các trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Thực hiện kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc lá theo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra quy định tại Điều 18 của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc lá.

3. Tổng hợp, báo cáo tình hình kiểm tra, kết quả kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc lá về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

4. Yêu cầu tổ chức, cá nhân được kiểm tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu liên quan khi cần thiết.

5. Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá không tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá thực hiện biện pháp khắc phục.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá

1. Phối hợp với Đoàn kiểm tra, cơ quan kiểm tra trong quá trình kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc lá tại nơi kiểm tra.

2. Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc lá theo quy định tại Điều 18 của Thông tư này.

3. Chấp hành các hoạt động kiểm tra của cơ quan kiểm tra, Đoàn kiểm tra và các quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thực hiện báo cáo:

a) Tình hình khắc phục các lỗi vi phạm trong quá trình kinh doanh đến cơ quan kiểm tra;

b) Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh thuốc lá khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Duy trì các điều kiện đảm bảo hoạt động kinh doanh thuốc lá theo quy định của pháp luật.

6. Khắc phục các lỗi không đạt được nêu trong biên bản kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra, Đoàn kiểm tra.

7. Khiếu nại kết luận của Đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Công nghiệp nhẹ theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá và các hoạt động liên quan đến kinh doanh thuốc lá theo quy định;

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về kinh doanh thuốc lá.

2. Vụ Thị trường trong nước theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ cấp Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá theo quy định tại Thông tư này;

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về kinh doanh thuốc lá.

3. Cục Quản lý Thị trường theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

Tổ chức kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

4. Sở Công Thương theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá thuộc thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra Phòng Công Thương trong việc cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo quy định tại Thông tư này;

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về kinh doanh thuốc lá.

5. Phòng Công Thương theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định, cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá thuộc thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này;

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6

năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan về kinh doanh thuốc lá.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Sở Công Thương tổ chức thực hiện Thông tư này; tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư trồng cây thuốc lá, mua bán nguyên liệu thuốc lá và mua bán sản phẩm thuốc lá theo thẩm quyền.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.

2. Bãi bỏ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phải báo cáo thường xuyên về Bộ Công Thương kết quả tổ chức thực hiện và phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc để Bộ Công Thương bổ sung, điều chỉnh./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Cẩm Tú

